TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Phát Triển;
Ông Nguyễn Chí Công.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 387/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2024 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh C - Sinh năm: 1975. Địa chỉ: xã Định Hoà, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Phan B - Sinh năm: 1976. Địa chỉ: xã Tân Hoà, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự điều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Huỳnh C trình bày:

Về hôn nhân: Chị C và anh B tìm hiểu quen nhau rồi đăng ký kết hôn tại UBND, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói, do làm ăn không thuận lợi phát sinh nợ nần nên vợ chồng thường

xuyên cự cải về vấn đề tiền bạc nhưng anh B điều đẩy hết trách nhiệm cho chị C nên vợ chồng đã ly thân hơn năm nay, không ai quan tâm đến ai từ những nguyên nhân đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không đạt nay chị C xin được ly hôn với anh B;

Về con chung: Có 03 con chung tên Phan Minh H, sinh ngày 18/01/1997; Phan Minh T, sinh ngày 06/7/2001 và Phan Huỳnh Trọng P, sinh ngày 25/8/2014, chị C yêu cầu nuôi con chung tên Phan Huỳnh Trọng P, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, còn đối với Phan Minh H; Phan Minh T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung Huỳnh C không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung Huỳnh C trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà bị đơn anh Phan B trình bày:

Về hôn nhân: Anh B và chị C quen nhau rồi đăng ký kết hôn tại UBND, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có cũng có nhiều quan điểm bất đồng vợ chồng cũng có thương xuyên cự cải mâu thuẩn nhưng chủ yếu là do nợ nần mà chị C gây ra anh B cũng không biết vấn đề nợ nần này chị C làm gì nhưng anh B cũng đồng ý bán đất trả nợ hiện nay anh B cũng không còn chỗ ở chỉ ở tạm dưới mé sông nay anh B còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị C;

Về con chung: Có 03 con chung tên Phan Minh H, sinh ngày 18/01/1997; Phan Minh T, sinh ngày 06/7/2001 và Phan Huỳnh Trọng P, sinh ngày 25/8/2014 nếu Toà án chấp nhận cho ly hôn thì anh B đồng ý giao con tên Phan Huỳnh Trọng P cho chị C nuôi và không cấp dưỡng nuôi con; còn đối với Phan Minh H; Phan Minh T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung Phan B không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung Phan B trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị C và anh B kết hôn và tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày vợ chồng thường hay cự cải, không cùng tiếng nói, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, do làm ăn

không thuận lợi nên vợ chồng thường xuyên cự cải về vấn đề tiền bạc nên phát sinh nợ nần nhưng anh B điều đẩy hết trách nhiệm cho chị C nên vợ chồng đã ly thân hơn năm nay, không ai quan tâm đến ai. Anh B cho rằng vợ chồng cũng thường xảy ra mâu thuẫn cũng có hay cự cải, mâu thuẫn nhưng chủ yếu là do nợ nần mà chị C gây ra anh B cũng không biết vấn đề nợ nần này chị C làm gì nay anh B còn thương vợ và con nên không đồng ý ly hôn nhưng từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đến nay anh B cũng không có hành động hay biện pháp nào để hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng chị C vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh B cho thấy hôn nhân mâu thuẫn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc chị C yêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ.

[2] Về con chung: Chị C và anh B thống nhất có 03 con chung tên Phan Minh H, sinh ngày 18/01/1997; Phan Minh T, sinh ngày 06/7/2001 và Phan Huỳnh Trọng P, sinh ngày 25/8/2014. Chị C yêu cầu nuôi con tên Phan Huỳnh Trọng P và anh B cũng đồng ý giao con cho chị C nuôi và cháu Phúc cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Xét sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, do đó chị C được tiếp tục nuôi con chung tên Phan Huỳnh Trọng P, sinh ngày 25/8/2014là có căn cứ, đúng theo quy định với Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với Phan Minh H, sinh ngày 18/01/1997; Phan Minh T, sinh ngày 06/7/2001 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về cấp dưỡng: Chị C không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị C và anh B không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị C và anh B trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh C được ly hôn với anh Phan B.

2. Về con chung: Chị Huỳnh C được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Phan Huỳnh Trọng P, sinh ngày 25/8/2014. Chị Huỳnh C không yêu cầu anh Phan B cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Huỳnh C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0014104, ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Chị Huỳnh C đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/11/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Cao Diễm